

BIỂU HIỆN TỒN THƯƠNG TÂM LÝ CỦA TRẺ EM TRONG GIA ĐÌNH KHÔNG TOÀN VẬN QUA XÚC CẢM, TÌNH CẢM CỦA TRẺ VỚI GIA ĐÌNH VÀ CUỘC SỐNG XÃ HỘI

Huỳnh Văn Sơn^a, Nguyễn Thị Diễm My^a, Giang Thiên Vũ^a, Đặng Vũ Khoa^{a*}

^aTrường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: khoadv@hcmue.edu.vn

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 10 tháng 05 năm 2019 | Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 07 năm 2019

Tóm tắt

Bài viết đề cập đến biểu hiện tổn thương tâm lý (TTTL) của trẻ em trong gia đình không toàn vẹn (GĐKTV) qua xúc cảm và tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội. Biểu hiện TTTL qua xúc cảm và tình cảm của ba nhóm trẻ “không có TTTL”, “trẻ ở mức ranh giới” và “trẻ TTTL trong GĐKTV” có sự chênh lệch. Trẻ TTTL trong GĐKTV có xúc cảm, tình cảm tiêu cực với gia đình và cuộc sống xã hội nhiều hơn so với hai nhóm còn lại. Số liệu còn cho thấy biểu hiện về xúc cảm và tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội có sự khác biệt về cấp học (Sig. = 0.005).

Từ khóa: Biểu hiện; Gia đình và cuộc sống xã hội; Tổn thương tâm lý; Xúc cảm - tình cảm của trẻ.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.9.4.569\(2019\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.9.4.569(2019))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2019 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC-ND 4.0

THE PSYCHOLOGICAL TRAUMA EXPRESSIONS OF CHILDREN LIVING IN THE NON-INTERGRITY FAMILLY THROUGH EMOTIONS AND FEELINGS REGARDING FAMILY AND SOCIAL LIFE

Huynh Van Son^a, Nguyen Thi Diem My^a, Giang Thien Vu^a, Dang Vu Khoa^{a*}

^aHochiminh City University of Education, Hochiminh City, Vietnam

*Corresponding author: Email: khoadv@hcmue.edu.vn

Article history

Received: May 10th, 2019 | Accepted: July 30th, 2019

Abstract

The article addresses the expression of psychological trauma of children living in the non-integrity family through emotions and feelings of children regarding family and social life. The results show that there is a difference between the psychological and emotional trauma of three groups of children: “no psychological trauma”, “boundary state” and “psychological trauma in the non-integrity family”. In particular, children with psychological trauma in the non-integrity families have more negative emotions regarding family and social life than the other two groups. The statistics also show that the emotional expression of children regarding family and social life differs by education level (Sig. = 0.005).

Keywords: Emotion and feeling; Expression; Family and social life; Psychological trauma.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.9.4.569\(2019\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.9.4.569(2019))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2019 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC-ND 4.0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các công trình nghiên cứu về Gia đình không toàn vẹn (GĐKTV) và tổn thương tâm lý (TTTL) cho thấy, giữa GĐKTV và TTTL có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả với nhau (Nguyễn, 2017). Theo đó, GĐKTV có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến những TTTL sâu sắc về mặt thể chất, nhận thức, cảm xúc, và hành vi của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là với con trẻ (Esme, 2013; Nguyễn, 1997; và Nguyễn, 2012). TTTL từ GĐKTV đem lại là rất đa dạng về mặt hậu quả và ảnh hưởng nếu những TTTL không được giải quyết sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến các mặt trong đời sống tâm lý của trẻ đến suốt đời (Ngô, 1993).

TTTL của trẻ em trong GĐKTV là hậu quả tâm lý của trẻ khi trải qua sự kiện gia đình như xung đột cha mẹ ly hôn, chứng kiến cảnh li tán gia đình, gánh chịu dư luận xã hội đối với trẻ không cha... gây nên những xáo trộn, mất cân bằng trong đời sống tâm lý của trẻ (Văn, 2003). Đây được xem là hậu quả của việc trẻ chứng kiến, chịu đựng những mất mát, thiếu thốn sự yêu thương, sự đùm bọc đủ đầy của cha hay mẹ, hoặc cả hai (Lê, 1997; Michael, Sheldo, Denise, & William, 2017).

Ở nước ta ngày càng xuất hiện nhiều đề tài nghiên cứu về gia đình với các khía cạnh khác nhau như bạo lực gia đình, đặc điểm tâm lý trẻ trong gia đình ly hôn, kỹ năng giải quyết xung đột trong cuộc sống đời thường ở trẻ sống vắng cha... (Nguyễn, 2014). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về những biểu hiện TTTL của trẻ em trong GĐKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ đối với gia đình và cuộc sống xã hội còn rất hiếm. Vì thế, việc tìm hiểu biểu hiện TTTL của trẻ em trong GĐKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ đối với gia đình và cuộc sống xã hội là một nội dung khảo sát quan trọng, từ đó giúp tìm ra các giải pháp giảm thiểu những TTTL cho trẻ, hỗ trợ tinh thần cho trẻ trong quá trình trưởng thành.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo. Đối tượng sử dụng bảng hỏi là trẻ có TTTL sau khi được sàng lọc - chúng tôi sử dụng thang đo CBCL của Achenbach và Ruffle (2000) để sàng lọc những trẻ có biểu hiện TTTL và phỏng vấn sàng lọc sâu để tìm ra những trẻ bị TTTL mà nguyên nhân do sống trong GĐKTV gây ra. Bảng hỏi gồm 11 mẫu với năm mức đánh giá (theo thang Likert 5) xoay quanh các biểu hiện về xúc cảm, tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội.

Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn để hỗ trợ tìm hiểu sâu những biểu hiện này. Tiến hành phỏng vấn trẻ, cha/ mẹ, và giáo viên của trẻ nhằm bổ sung thêm thông tin để góp phần làm sáng tỏ kết quả khảo sát biểu hiện thông qua xúc cảm, tình cảm của trẻ bị TTTL trong GĐKTV. Nội dung phỏng vấn trẻ tập trung yêu cầu trẻ mô tả và lý giải cụ thể hơn những TTTL, mối quan hệ của trẻ với cha mẹ, những khó khăn của trẻ gặp phải trong đời sống tình cảm của mình. Nội dung phỏng

vấn cha/ mẹ trẻ: Những cảm xúc bất thường của trẻ; Những sự kiện gia đình ảnh hưởng đến trẻ; Mối quan hệ của trẻ với cha hoặc mẹ và mọi người xung quanh. Nội dung phỏng vấn giáo viên của những trẻ em sống trong GDKTV: Những khó khăn học đường của trẻ đang gặp phải.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu bao gồm 336 trẻ từ 6 tuổi đến 15 tuổi trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh có cha mẹ ly hôn hoặc gia đình mẹ đơn thân, trong đó có 252/336 (75%) trẻ ở trong tình trạng gia đình có cha mẹ ly hôn và 84/336 (25%) trẻ ở trong tình trạng gia đình có mẹ đơn thân.

Về giới tính, trong tổng số 336 trẻ có đến 220/336 (65.47%) trẻ giới tính nữ và 116/336 (34.52%) giới tính nam. Trong tổng số 336 phụ huynh có đến 297/336 (88.39%) phụ huynh nữ và số phụ huynh nam là 39/336 (11.61%) phụ huynh. Số liệu trên tương đối phù hợp vì mẹ đơn thân thuộc đối tượng khảo sát và đa phần các hoàn cảnh gia đình ly hôn thì các em sống với mẹ là chủ yếu nên số lượng phụ huynh nữ nhiều hơn nam. Hơn nữa phụ huynh nữ dễ tiếp cận, dễ chia sẻ quan điểm, suy nghĩ và phần lớn thời gian chủ yếu họ dành cho gia đình, chăm con (nhất là những phụ nữ ở quê) nên quỹ thời gian họ có nhiều và họ dễ đồng ý hỗ trợ nhà nghiên cứu khi được thuyết phục hơn so với phụ huynh nam; Về cấp học, trong tổng số 336 trẻ có 150/336 (44.64%) trẻ ở cấp tiểu học và 186/336 (55.46%) trẻ ở cấp THCS tương ứng với số lượng phụ huynh; Về địa bàn, trong tổng số 336 HS và 336 phụ huynh, số trẻ và phụ huynh ở TP. Hồ Chí Minh là 115/336 (34.23%). Số trẻ em và phụ huynh ở tỉnh Long An là 110/336 (32.74%). Và cuối cùng số trẻ và phụ huynh ở tỉnh Tây Ninh là 111/336 (33.04%). Điều này cho thấy số lượng học sinh và phụ huynh trên ba tỉnh/thành phố có sự chênh lệch không đáng kể (0.3% - 1.49%). Sau khi sàng lọc, khách thể được chia làm bốn nhóm: Nhóm 1 có 180 trẻ không có TTTL (KTTTL); Nhóm 2 có 102 trẻ ở trạng thái ranh giới (TTRG); Nhóm 3 có 49 trẻ có TTTL do GDKTV (CTTTL); và Nhóm 4 có 5 trẻ TTTL do nguyên nhân khác (không thuộc phạm vi nghiên cứu).

2.3. Xử lý kết quả

Dựa trên bảng hỏi được xây dựng với năm mức đánh giá. Chúng tôi mã hóa thang điểm dựa theo thang Likert 5 (Boone & Boone, 2012) như sau:

Bảng 1. Cách quy đổi điểm các mức độ biểu hiện TTTL của trẻ em trong GDKTV bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

STT	Thang điểm	Mức độ
1	$1.00 < \text{ĐTB} \leq 1.80$	Rất thấp
2	$1.81 < \text{ĐTB} \leq 2.61$	Thấp
3	$2.62 < \text{ĐTB} \leq 3.42$	Trung bình
4	$3.43 < \text{ĐTB} \leq 4.23$	Cao
5	$4.24 < \text{ĐTB} \leq 5.0$	Rất cao

3. KẾT QUẢ

3.1. Biểu hiện TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm và tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy biểu hiện TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm, tình cảm về gia đình và cuộc sống xã hội của ba nhóm trẻ KTTTL, TTRG, và CTTTL có sự chênh lệch (Bảng 2).

Bảng 2. Biểu hiện TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm và tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội

STT	Nội dung	KTTTL	TTRG	CTTTL
		ĐTB	ĐTB	ĐTB
1	Em buồn và thất vọng về gia đình bản thân	2.45	3.11	3.82
2	Khi sống chung một nhà với nhiều gia đình nhỏ (có anh chị em họ), em thấy ghen tị với những gia đình nhỏ có đầy đủ cha mẹ	3.01	3.78	3.91
3	Khi cha hoặc mẹ có người mới em cảm thấy khó chịu	2.11	3.01	3.45
4	Nếu ở chung với mẹ, em không quan tâm đến tin tức của họ hàng bên nội/ Nếu ở chung với cha, em không quan tâm đến tin tức của họ hàng bên ngoại	2.85	3.12	3.13
5	Em quan tâm đến nguồn tài chính được cha hoặc mẹ không sống chung trợ cấp	1.92	2.18	2.20
6	Em không chấp nhận hoàn cảnh gia đình dù hiểu nguyên nhân	2.81	3.92	4.23
7	Em thích chơi với những bạn cùng hoàn cảnh	2.47	3.01	3.24
8	Em không thích chơi với những bạn có gia đình hạnh phúc	2.89	2.94	2.99
9	Em tủi thân trong các ngày lễ ở trường	3.03	3.25	3.39
10	Em buồn khi thầy/cô, bạn bè hỏi về gia đình em	2.56	3.75	3.79
11	Em thất vọng khi nghe bạn bè khoe về gia đình	2.97	3.33	3.42

Ở nội dung đầu tiên “em buồn và thất vọng về gia đình bản thân” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.45 nằm ở mức thấp, TTRG có ĐTB = 3.11 nằm ở mức trung bình và CTTTL có ĐTB = 3.82 nằm ở mức cao. Nội dung “khi sống chung một nhà với nhiều gia đình nhỏ (có anh chị em họ), em thấy ghen tị với những gia đình nhỏ có đầy đủ cha mẹ” với trẻ KTTTL có ĐTB = 3.11 nằm ở mức trung bình, TTRG có ĐTB = 3.78 nằm ở mức cao và CTTTL có ĐTB = 3.91 nằm ở mức cao. Có thể thấy rằng mức độ biểu hiện cảm xúc tiêu cực ở hai nhóm TTRG và CTTTL cao hơn KTTTL. Bởi gia đình ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển xúc cảm, tình cảm của mỗi cá nhân, ở đây với những em KTTTL được sống trong môi trường đủ an toàn, các em có đầy đủ tình yêu thương so với hai nhóm còn lại, nhất là với những em CTTTL nhu cầu được yêu thương rất cao, nên dễ dẫn đến cảm xúc buồn, thất vọng, ghen tị về tình cảm, mưu cầu được yêu thương

và che chở nên khi thấy những người khác được yêu thương các em không tránh khỏi những cảm xúc tiêu cực.

Nội dung “khi cha hoặc mẹ có người mới em cảm thấy khó chịu” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.11 nằm ở mức thấp, TTRG có ĐTB = 3.01 nằm ở mức trung bình và CTTTL có ĐTB = 3.45 nằm ở mức cao. Một trong những biểu hiện về mặt xúc cảm, tình cảm của trẻ CTTTL là khi cha hoặc mẹ có người mới các em cảm thấy khó chịu ở mức cao, bởi nhu cầu tình cảm các em rất lớn, các em không muốn chia sẻ điều đấy với bất kỳ ai và hơn hết các em không mong muốn điều tệ nhất lại xảy ra một lần nữa. Kết quả phỏng vấn học sinh 1 (HS1, lớp 5) cho biết “*Em không thích mẹ có người mới, vì không có ai là người tốt cả, em sợ mẹ buồn nữa, em sợ mẹ không còn thương em*”. Chia sẻ của HS1 phần nào đã nói lên tâm trạng, cảm xúc của các em khi phải sống trong GDKTV và không nhận được sự yêu thương, ứng xử tích cực, đầy đủ từ phía cha mẹ mình.

Nội dung “nếu ở chung với mẹ, em không quan tâm đến tin tức của họ hàng nội/ Nếu ở chung với cha, em không quan tâm đến tin tức của họ hàng ngoại” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.85, TTRG có ĐTB = 3.12 và CTTTL có ĐTB = 3.13. Cả ba nhóm đều nằm ở mức trung bình, cho thấy dù là các em thuộc nhóm nào vẫn không có sự khác biệt về mức độ cảm xúc tình cảm.

Nội dung “em quan tâm đến nguồn tài chính được cha hoặc mẹ không sống chung trợ cấp” với trẻ KTTTL có ĐTB = 1.92, TTRG có ĐTB = 2.18, và CTTTL có ĐTB = 2.20. Cả ba nhóm đều nằm ở mức thấp cho thấy phần lớn các em không quan tâm nhiều đến nguồn tiền trợ cấp của cha hoặc mẹ, bởi độ tuổi tiểu học và THCS, các em qua tâm đến yếu tố tình cảm. Nội dung “em không chấp nhận hoàn cảnh gia đình dù hiểu nguyên nhân” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.81 nằm ở mức trung bình, TTRG có ĐTB = 3.92 nằm ở mức cao và CTTTL có ĐTB = 4.23 nằm ở mức rất cao. Qua đó, thấy được sự chênh lệch lớn của ba nhóm ở nội dung này. Kết quả phỏng vấn học sinh 2 (HS2, lớp 8) cho thấy “*Em không bao giờ chấp nhận được hoàn cảnh gia đình em vì em cố nói với mình phải chấp nhận nhưng cứ mỗi khi nhìn bạn bè đang hình đi ăn cùng gia đình, mọi thứ trong đầu em lại hiện lên, em cảm thấy buồn lắm dù em biết cha mẹ cũng chỉ muốn tốt cho em thôi*”. Phỏng vấn đã mô tả khá rõ cảm xúc của khách thể nghiên cứu. Điều ấy một phần chứng minh từ sâu bên trong đời sống của con người ai cũng có mong muốn được trọn vẹn cha mẹ, được yêu thương từ họ, khi không được đáp ứng nó trở thành một rào cản trong sự phát triển nhân cách.

Nội dung “em thích chơi với những bạn cùng hoàn cảnh” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.47 nằm ở mức thấp, TTRG có ĐTB = 3.01 và CTTTL có ĐTB = 3.24 đều nằm ở mức trung bình. Nội dung “em không thích chơi với những bạn có gia đình hạnh phúc” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.89, TTRG có ĐTB = 2.94 và CTTTL có ĐTB = 2.99 đều nằm ở mức trung bình. Có thể thấy rằng hai nội dung này tỉ lệ thuận với nhau và xu hướng của các bạn thích chơi với những bạn có cùng hoàn cảnh với mình hơn. Đây là một trong biểu hiện sự phát triển tâm lý lứa tuổi, sự phát triển về cảm xúc trong tình bạn, các em thường chơi với những bạn có cùng sở thích, có điểm chung sẽ dễ dàng hiểu và thân thiết với nhau.

Nội dung “em tủi thân trong các ngày lễ ở trường” với trẻ KTTTL có ĐTB = 3.03, TTRG có ĐTB = 3.25 và CTTTL có ĐTB = 3.39 đều nằm ở mức trung bình. Nội dung “em buồn khi thầy/cô, bạn bè hỏi về gia đình em” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.56 nằm ở mức thấp, TTRG có ĐTB = 3.75 và CTTTL có ĐTB = 3.79 nằm ở mức cao. Nội dung cuối cùng “em thất vọng khi nghe bạn bè khoe về gia đình” với trẻ KTTTL có ĐTB = 2.97, TTRG có ĐTB = 3.33 đều nằm ở mức trung bình và CTTTL có ĐTB = 3.42 nằm ở mức cao. Kết quả cho thấy, với nội dung “em tủi thân trong các ngày lễ ở trường” ở cả ba nhóm không có sự khác biệt, phần lớn các hoạt động trên trường sẽ là ngày lễ lớn nên ảnh hưởng đến cảm xúc của các em không nhiều. Nội dung “em buồn khi thầy/cô, bạn bè hỏi về gia đình em” và “em thất vọng khi nghe bạn bè khoe về gia đình” có sự khác biệt về mức độ của ba nhóm, cao nhất là rơi vào các em CTTTL bởi hai nội dung này đề cập trực tiếp đến cảm xúc, tâm sự, nỗi buồn của các em, kết quả phỏng vấn học sinh 2 ở trên, một phần nào đã minh chứng cho điều ấy, các em cố giấu cảm xúc nhưng một khi đã khơi dậy, chạm tới thì không tránh khỏi những cảm xúc tiêu cực như buồn, thất vọng. Một học sinh khác chia sẻ (học sinh 3, lớp 7): *“Mỗi khi đến lớp, cô chủ nhiệm luôn hỏi thăm về đời sống gia đình của các bạn để cùng nhau chia sẻ, động viên và kết nối với nhau. Khi nghe các bạn chia sẻ về gia đình hạnh phúc, ấm êm, có cả cha lẫn mẹ yêu thương lẫn nhau, em rất hạnh lòng. Em vô cùng ghen tị với các bạn ấy. Vì vậy, mỗi khi đến lượt em chia sẻ, em đều nói dối về hoàn cảnh gia đình của mình. Sau đó, em vô cùng bírt rứt, tủi thân, và đau lắml, nói lắml ạ”*.

Như vậy, có thể thấy về mặt xúc cảm tình cảm có sự khác biệt nhiều trong cảm xúc của từng nhóm khách thể. Trong quá trình phát triển của trẻ, việc sống trong hoàn cảnh gia đình đã từng trải qua sự mất mát chia ly, bị bỏ mặc, hay thường xuyên chịu điều tiéng, sự dèm pha của xã hội làm tổn hại đến sự phát triển cảm xúc, gây nên sự mất cân bằng trong đời sống tâm lý và có thể dẫn đến những rối nhiễu cảm xúc ở trẻ. Trẻ CTTTL có xúc cảm, tình cảm tiêu cực với gia đình và cuộc sống xã hội nhiều hơn so với trẻ KTTTL và trẻ ở TTRG.

3.2. Trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội

Kết quả kiểm nghiệm so sánh về TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ về gia đình và cuộc sống xã hội giữa các mặt: Giới tính, cấp học, và tình trạng gia đình có sự khác nhau (Bảng 3).

Về mặt giới tính, kết quả so sánh về TTTL của trẻ em trong GDKTV qua cảm xúc tình cảm của trẻ về gia đình và cuộc sống xã hội giữa nam và nữ cho thấy $Sig. = 1.78 (>0.05)$, không có sự khác biệt về TTTL của trẻ trong GDKTV mặt giới tính.

Về mặt cấp học, giữa cấp tiểu học và cấp THCS cho thấy $Sig. = 0.005 (<0.05)$, có sự khác biệt về TTTL của trẻ trong GDKTV mặt cấp học. Ở cấp tiểu học có ĐTB = 2.86 nằm ở mức trung bình và cấp THCS có ĐTB = 3.98 nằm ở mức cao. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi ở cấp tiểu học và THCS. Ở cấp tiểu học, các em dần lo lắng đến kết quả học tập. Tình cảm này ban đầu chưa thấy rõ ở các em. Trong khi ấy, ở cấp THCS đời sống xúc cảm - tình cảm của thiếu niên phát triển mạnh, dần hình thành những loại tình cảm cấp cao đa dạng phong phú, có chiều sâu. Xúc cảm

- tình cảm có nhiều thay đổi về nội dung và cả hình thức biểu hiện so với lứa tuổi nhi đồng (Huỳnh, 2011). Các mức độ đời sống xúc cảm - tình cảm phát triển mạnh, dần hình thành các loại tình cảm cấp cao, được củng cố và phát triển sâu sắc hơn theo năm tháng. Nên ở độ tuổi THCS các em có cái nhìn, cảm nhận sâu sắc về xúc cảm tình cảm và thể hiện điều đấy ra bên ngoài. Kết quả phỏng vấn học sinh 4 (HS4, lớp 9) cho biết “*Em rất thương mẹ, vì mẹ đã hi sinh cho anh em rất nhiều, mẹ dạy em cách phải tự lập như thế nào, từ lúc ly hôn em thấy mẹ vui hơn hẳn nên em lại càng muốn về ở cha để mẹ đỡ vất vả*”. Cho thấy sự trưởng thành, biết lo lắng cho mẹ và thương mẹ nhiều hơn. Trong khi ấy cũng với câu hỏi tương tự khi phỏng vấn em gái của HS4 (6 tuổi), em cho biết “*Em muốn có cả cha lẫn mẹ, em hay quậy, có khi không ăn, phá cha mẹ để cha mẹ chơi với em, nhưng anh hai bảo làm vậy mẹ sẽ buồn*”. Qua đó, thấy được cùng một môi trường, một hoàn cảnh nhưng sự thể hiện xúc cảm, tình cảm ở mỗi lứa tuổi lại có sự khác biệt khá rõ và cần được lưu tâm.

Bảng 3. So sánh về TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội

	Giới tính		Cấp học		Tình trạng gia đình	
	Nam	Nữ	Tiểu học	THCS	GD có cha mẹ ly hôn	GD có mẹ đơn thân
ĐTB	3.55	3.29	2.86	3.98	3.57	3.27
Sig.	1.78		0.005		2.45	

Về tình trạng gia đình, Sig. = 2.45(>0.05), không có sự khác biệt TTTL của trẻ trong GDKTV ở mặt tình trạng gia đình. Gia đình có cha mẹ ly hôn có ĐTB = 3.57 và gia đình có mẹ đơn thân = 3.27, không có sự chênh lệch quá lớn.

Theo nghiên cứu của nhóm tác giả Gottman, Katz, và Hooven (2013). về sự tác động của đời sống gia đình đến sự phát triển xúc cảm, tình cảm của trẻ, đối với trẻ sống trong gia đình có cha mẹ ly hôn, trẻ nhi đồng sẽ có xu hướng đồng cảm với bên phía người cha hoặc người mẹ chịu thiệt thòi và thường giữ những cảm xúc tiêu cực trong lòng, trẻ chưa biết cách giải tỏa cũng như làm thế nào trong tình huống đó. Với trẻ vị thành niên thì sự kiềm nén cảm xúc tiêu cực dường như không thực hiện được nữa, trẻ dễ dàng bị vỡ cảm xúc và thường xuyên bị dày vò khi phải sống trong hoàn cảnh gia đình không hạnh phúc như các bạn khác. Do đó, trẻ ở độ tuổi này thường dễ sa vào tệ nạn nếu không có những biện pháp can thiệp kịp thời từ phía gia đình, nhà trường, cộng đồng.

Như vậy, TTTL của trẻ em trong GDKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội có sự khác biệt rõ rệt về cấp học.

4. KẾT LUẬN

Có sự chênh lệch nhất định về xúc cảm, tình cảm của ba nhóm trẻ KTTTL, TTRG, và CTTTL về gia đình và cuộc sống xã hội. Cụ thể, trẻ TTTL trong GDKTV có xúc cảm, tình cảm tiêu cực với gia đình và cuộc sống xã hội nhiều hơn so với trẻ KTTTL và trẻ ở TTRG. Có sự khác biệt ý nghĩa về biểu hiện TTTL của trẻ em trong

GĐKTV qua xúc cảm, tình cảm của trẻ với gia đình và cuộc sống xã hội theo cấp học. Không có sự khác biệt theo biên giới tính và tình trạng gia đình với giá trị *Sig.* tìm được lần lượt là 1.76 và 2.45. Xuất phát từ điều này, để đảm bảo thực hiện một số biện pháp giảm thiểu TTTL cho trẻ sống trong GĐKTV, nhất thiết phải xem xét chỉ báo biểu hiện TTTL của trẻ qua xúc cảm, tình cảm với gia đình và xã hội. Đặc biệt là đề xuất những biện pháp hỗ trợ tâm lý kịp thời cho nhóm trẻ trong độ tuổi vị thành niên với sự thay đổi đột ngột và không ổn định trong đời sống xúc cảm, tình cảm của các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Achenbach, T. M., & Ruffle, T. M. (2000). The child behavior checklist and related forms for assessing behavioral/emotional problems and competencies. *Pediatrics in Review, 21*(8), 265-271.
- Boone, H. N., & Boone, D. A. (2012). Analyzing likert data. *Journal of Extension, 50*(2), 1-5.
- Clarke, S. K. A., Vandell, D. L., McCartney, K., Owen, M. T., & Booth, C. (2000). Effects of parental separation and divorce on very young children. *Journal of Family Psychology, 14*(2), 304-326.
- Esme, F. (2013). Gender-specific association between childhood adversities and smoking in adulthood: Findings from a population-based study. *Public Health, 127*(5), 449-460.
- Fuller, T., E., Filippeli, J., & Lue, C. C. (2013). Gender-specific association between childhood adversities and smoking in adulthood: Findings from a population-based study. *Public Health, 127*(5), 449-460.
- Gottman, J. M., Katz, L. F., & Hooven, C. (2013). *Meta-emotion: How families communicate emotionally*. Abingdon-on-Thames, UK: Routledge.
- Huỳnh, V. S. (2011). *Tâm lý học phát triển*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.
- Lê, T. (1997). Vấn đề ly hôn - Nguyên nhân và xu hướng vận động. *Tạp chí Xã hội học, 1*(1), 18-29.
- Michael, M., Sheldo, C., Denise, J. D., & William, J. D. (2017). Offspring of parents who were separated and not speaking to one another have reduced resistance to the common cold as adults. *National Academy of Sciences, 114*(25), 6515-6520.
- Murphy, M. L. M., Cohen, S., Janicki, D. D., & Doyle, W. J. (2017). Offspring of parents who were separated and not speaking to one another have reduced resistance to the common cold as adults. *Proceedings of the National Academy of Sciences, 114*(25), 6515-6520.
- Ngô, C. H. (1993). *Tâm lý học gia đình*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
- Nguyễn, B. Đ. (2014). *Rối nhiễu tâm lý ở trẻ em sống trong gia đình có bạo lực*. (Luận án Tiến sĩ), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Nguyễn, H. T. (2012). *Tổn thương tâm lý ở nạn nhân bị nhiễm chất độc hóa học/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. K. A. (1997). *Tìm hiểu sự phát triển nhân cách trẻ mẫu giáo trong gia đình không toàn vẹn*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. N. T. (2017). *Tổn thương tâm lý của trẻ em trong gia đình không toàn vẹn tại TP. Hồ Chí Minh*. (Luận văn thạc sĩ), Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Văn, T. K. C. (2003). *Tổn thương tâm lý của thiếu niên do bố mẹ ly hôn*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Khoa học Xã hội.
- Vũ, D. (2008). *Từ điển tâm lý học*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Từ điển Bách Khoa.